TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26-3-2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Lê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tống Văn Tâm;
2. Ông Nguyễn Quốc Dũng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hà Thị Thuỳ Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 485/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 16/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thị P, sinh năm 1994; nơi thường trú: tổ 6, ấp L, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang; nơi tạm trú: tổ 4c, khu phố 1, phường N, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn C, sinh năm 1986; nơi thường trú: tổ 6, ấp L, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang; nơi tạm trú: tổ 4c, khu phố 1, phường N, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 11 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Thị P trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Thị P và ông Trần Văn C quen biết nhau một thời gian thì tiến tới hôn nhân; có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số 1/2013 ngày 02/4/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống bên phía gia đình chồng. Đến năm 2019, thì chuyển lên Bình Dương sinh sống và lập nghiệp cho đến nay. Thời gian đầu mới kết hôn vợ chồng sống rất hạnh phúc, cùng nhau lo làm ăn, xây dựng kinh tế gia đình. Tuy nhiên, sau đó thì thường xuyên mâu thuẫn. Mâu thuẫn nhiều nhất là đầu năm 2023. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng không tôn trọng, thương yêu nhau, ông C thường xuyên ăn nhậu say xỉn, không chăm lo cho vợ con, cuộc sống vợ chồng trở nên ngột ngạt và vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2024. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P yêu cầu được ly hôn với ông C.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Trần Tiến Th, sinh ngày 17/6/2013 và Trần Thị T, sinh ngày 27/12/2014. Hiện tại, các con đang sống với bà Phúc. Khi ly hôn, bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10 tháng 3 năm 2025 của bị đơn ông Trần Văn C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn C và bà Thị P chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và tổ chức lễ cưới như bà P trình bày. Vợ chồng sống rất hạnh phúc. Tuy nhiên, 06 tháng trở lại đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông C thường xuyên ăn nhậu, say xỉn không lo cho vợ con nên cuộc sống vợ chồng trở nên căng thẳng; vợ chồng đã ly thân gần 01 năm nay; ông C mong muốn bà P cho ông cơ hội để sửa chữa lỗi lầm nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Trần Tiến Th, sinh ngày 17/6/2013 và Trần Thị T, sinh ngày 27/12/2014. Hiện tại, con chung đang sống với bà P. Trường hợp phải ly hôn thì theo nguyện vọng của các con muốn ở với ai cũng được.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 30/12/2024 của cháu Trần Tiến Th và Trần Thị T trình bày: Nếu cha mẹ ly hôn, cháu Th và cháu T có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Thị P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên phát biểu tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xác minh thu thập, hòa giải được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của người tham gia tố tụng, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên: về quan hệ hôn nhân: bà Thị P được ly hôn với ông Trần Văn C; về con chung: giao 02 (hai) con chung tên Trần Tiến Th, sinh ngày 17/6/2013 và Trần Thị T, sinh ngày 27/12/2014 cho bà Phúc được trực tiếp nuôi dưỡng; ông C không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không yêu cầu hội đồng xét xử đặt ra xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Thị P có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn C và yêu cầu được quyền nuôi con sau khi ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo lời trình bày của các đương sự và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Trần Văn C hiện đang cư trú tại phường N, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Trần Văn C được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thị P và ông Trần Văn C là những người đủ điều kiện kết hôn; chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu để tiến tới hôn nhân; có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số 1/2013 ngày 02/4/2013.

Theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà Thị P xác định cuộc sống hôn nhân giữa bà Thị P và ông Trần Văn C không còn hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Mâu thuẫn trầm trọng vào đầu năm 2023, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng không tôn trọng, thương yêu nhau, không tin tưởng nhau, ghen tuông vô cớ; ông C thường xuyên ăn nhậu say xỉn, không chăm lo cho vợ con. Vợ chồng ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay. Hai bên đã đưa ra nhiều giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả nên bà P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông C.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên toà nhưng ông C vẫn không có mặt, cho thấy ông C không muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Mặt khác, ông C không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp hoà giải để vợ chồng trở lại đoàn tụ hạnh phúc. Về phía bà P, trong quá trình tố tụng và tại phiên toà xác định hoàn toàn không còn tình cảm với ông C và không thể tiếp tục chung sống với ông C. Xét thấy, quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng, sự yêu thương, thủy chung, chăm sóc lẫn nhau giữa vợ và chồng nhưng quan hệ hôn nhân của bà P và ông C đã không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà P và ông C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà P có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông C là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: Vợ chồng bà P và ông C có 02 người con chung tên Trần Tiến Th, sinh ngày 17/6/2013 và Trần Thị T, sinh ngày 27/12/2014. Khi ly hôn, bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Xét thấy, hiện tại cháu Th và cháu T đang do bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và các cháu có nguyện vọng được sống với bà P. Do vậy, yêu cầu được nuôi con của bà P là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà P về việc không yêu cầu ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[8] Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 28, 35, 39, 147, 228, 266, 271 và điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các điều 56, 81, 82, 83, 84, 85 và điều 86 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thị P về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" với bị đơn ông Trần Văn C như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Thị P được ly hôn với ông Trần Văn C.

1.2. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung tên Trần Tiến Th, sinh ngày 17/6/2013 và Trần Thị T, sinh ngày 27/12/2014 cho bà Thị P được trực tiếp nuôi dưỡng; ông Trần Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Thị P và ông Trần Văn C đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Thị P phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004752 ngày 05/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt

được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Võ Thị Lê